

Bắc Kinh và Tham vọng Á Châu Hóa Toàn Cầu (Asia Globalism)

Nguyễn Cao Quyền

Sau Chiến Tranh Lạnh nhân loại đã chứng kiến sự phục hồi giá trị và sức mạnh của một vài vùng đất ngoài Tây phương. Hiện tượng này được các học giả Hoa kỳ gọi là “*Indigenization*”. Nói đúng ra đây là hiện tượng của sự phục hồi “văn hóa” đến từ hai trung tâm mạnh nhất thế giới: trung tâm Hồi Giáo và trung tâm Đông Á. Trung tâm Hồi Giáo vùng dậy trong phạm vi ảnh hưởng của họ và rút khoát bác bỏ các giá trị và các định chế Tây phương. Trung tâm Đông Á gồm Trung Quốc, Nhật Bản và một số nước theo Phật Giáo, xác định sự khác biệt của họ với Tây phương và quay lại với mẫu số chung của họ là văn hóa Khổng Nho. Bài tham luận này chỉ đề cập đến trung tâm Đông Á.

Hiện tượng phát triển của nền kinh tế Đông Á

Sự phát triển của nền kinh tế Đông Á là một hiện tượng quan trọng xảy ra vào hậu bán thế kỷ 20. Hiện tượng này bắt đầu từ Nhật Bản vào thập kỷ 1950; sau đó lan tràn sang bốn con “*tiểu long*” Hồng Kông, Đài Loan, Tân Gia Ba và Hàn Quốc, rồi tiếp tục vươn xa hơn nữa đến Trung Quốc, Mã Lai Á, Thái Lan, Nam Dương, Phi Luật Tân và Việt Nam. Liên tục trong hai thập kỷ các quốc gia này đã phát triển theo tỷ số từ 8 đến 10% GDP (tổng sản lượng quốc gia) của họ.

Thành tích phát triển của Đông Á vượt xa thành tích phát triển của Âu Châu và Mỹ Châu. Thật vậy, trong khi Anh quốc phải để ra 58 năm và Hoa Kỳ phải để ra 47 năm để gia tăng gấp đôi tổng sản lượng của họ thì Nhật Bản chỉ cần có 35 năm, Nam Dương 17 năm, Hàn Quốc 11 năm và Trung Quốc 10 năm. Năm 1993, Ngân Hàng Thế Giới tuyên bố rằng trung tâm kinh tế phát triển mạnh nhất sau Hoa Kỳ, Nhật Bản và Đức là Trung Quốc hiện nay. Và cũng theo ngân hàng này thì nền kinh tế Trung Quốc sẽ là nền kinh tế lớn nhất hoàn cầu vào những năm đầu của thế kỷ 21. Vào năm 2020, Trung Quốc, Nhật Bản và mấy con “*tiểu long*” Đông Á sẽ sản xuất 40% tổng lượng sản phẩm của thế giới.

Quân bình quyền lực Âu-Á đang bị phá vỡ

Sự phát triển kinh tế của Đông Á đang phá vỡ quân bình quyền lực (*balance of power*) giữa Á Châu và Tây phương (trong đó có Hoa kỳ). Khi kinh tế phát triển thì lòng tự tin cũng lên cao và các dân tộc Á Châu cho đó là dấu hiệu của tính vượt trội của các nền văn hóa của họ so với nền văn hóa Tây phương. Tâm lý này phát hiện trên thực tế bằng cách tích cực chống lại những áp lực của Mỹ và các nước Âu Châu. Người ta đã nói đến một sự “*phục hưng văn hóa Á Châu*” với hậu quả là dân chúng ở phần đất này của thế giới không còn coi những cái gì của Mỹ và Âu Châu cũng là “*nhất*” (the best) như trong thời gian trước nữa. Sự cạnh tranh giữa hai nền văn minh Tây phương và Á Châu dần dần trở nên rõ nét.

Trở lại mấy trang sử cũ, ta thấy rằng nền văn minh Trung Quốc suy sụp thảm hại vào đời nhà Thanh vào giữa thế kỷ 19. Từ đó những người chạy theo Tây phương như *Khang Hữu Vi*, *Lương Khải siêu*, *Tôn Dật Tiên* đã đưa ra nhiều cố gắng để phục hồi nhưng cũng không vực lại được tình thế. Chính một phần vì lý do này mà *Mao Trạch Đông* đã phải chọn mẫu hình phát triển của Liên Xô, nhưng mẫu hình phát triển của Liên Xô cũng không mang lại kết quả tốt đẹp. *Mao* chết năm 1976. Tập đoàn lãnh đạo mới của Trung Quốc quyết định phải ly khai với mẫu hình phát triển kém hiệu quả này.

Trong khi tập đoàn lãnh đạo mới của Trung Quốc còn đang phân vân không biết có nên hội nhập hoàn toàn vào nền văn minh Tây phương hay không thì Liên Xô sụp đổ. Sự sụp đổ này làm cho họ nhanh chóng quyết định đi theo Tây phương về mặt phát triển kinh tế tư bản, nhưng vẫn giữ lại lề lối chính trị cổ truyền của Châu Á, tức là giữ lại chế độ *độc tài chuyên chính* (authoritarianism). Thay vì lấy chính danh là chủ nghĩa Mác Lê (đã lui vào dĩ vãng) họ thay thế vào chỗ trống đó bằng thành tích phát triển kinh tế và chủ nghĩa dân tộc. *Chủ nghĩa dân tộc* được phục hồi trong thời kỳ hậu *Thiên An Môn*. Từ khi *Hồng Kông* trở về với lãnh thổ Trung Hoa thì những người lãnh đạo của mảnh đất lưu vong này rất hãnh diện được hội nhập lại một cách trọn vẹn vào nền văn hóa cổ truyền của Trung Quốc. Tinh thần hội nhập trở lại của người *Hồng Kông* đã ảnh hưởng không ít đến thế hệ trẻ của lục địa. Những người, không có cảm tình với ý niệm dân chủ của Tây phương

cũng như đã bắt tín nhiệm tư tưởng Mác-Lê, đều lên án sự di hại của những lựa chọn để *du nhập* thiếu suy nghĩ trong dĩ vãng.

Trung Quốc quay về với Khổng Tử



Vào đầu thế kỷ 20 giai cấp trí thức Trung Quốc, chịu ảnh hưởng của Tây phương, đã đánh giá Khổng Tử như nguyên nhân chính yếu gây ra sự lạc hậu của Hoa Lục. Tuy nhiên, đến cuối thế kỷ 20, khi chủ nghĩa Mác-Lê bị hoàn toàn phá sản, thì những người lãnh đạo cộng sản lại ca tụng Khổng Tử như người đã mang lại văn minh và tiến bộ cho đất nước Trung Hoa. Họ tuyên bố tư tưởng Khổng Mạnh là “*dòng chính*” của nền văn hóa cổ truyền Trung Quốc.

Lý Quang Diệu, thủ tướng gốc Trung Hoa của Tân Gia Ba, được coi như nhà truyền giáo của tư tưởng Khổng Mạnh và tổng thống Đài Loan *Lý Đăng Huy* cũng không chối bỏ tư tưởng này trong nền văn hóa của đảo quốc. Nhìn chung, có thể nói rằng tất cả những người Trung Quốc trên thế giới, dù họ sinh sống hay lập nghiệp bất cứ ở nơi đâu và qua bao nhiêu đời chẳng nữa, đều nhìn nhận rằng họ có chung một nền văn hóa cổ truyền và nền văn hóa đó không dính líu gì đến nền văn hóa Tây phương.

Chủ nghĩa dân tộc mà ngày nay đảng CSTQ đang dùng làm chính danh cai trị là *chủ nghĩa dân tộc Hán*. Sự lựa chọn này nhằm giải quyết các vấn đề khác biệt về ngôn ngữ, địa phương và phát triển cho 90% dân số Trung Quốc. Nhưng nó cũng nói lên những khó khăn không thể giải quyết được đối với 10% dân số còn lại. Tuy chỉ là 10% nhưng số người này lại chiếm 60% diện tích lãnh thổ. Đó mới là vấn đề làm Trung Quốc nhức đầu.

Sự khẳng định của Á Châu

Phong trào kỹ nghệ hóa và sự phát triển kinh tế lẫy lừng trong ba thập niên qua đã khiến một số quốc gia Đông Á trở về với các nền văn minh truyền thống và khẳng định là những nền văn minh của họ không thua kém nền văn minh Tây phương. Bốn lý do đã đưa đến sự thay đổi thái độ này.

Thứ nhất. Những dân tộc vùng Đông Á tin tưởng rằng sự phát triển kinh tế của họ chẳng bao lâu nữa sẽ qua mặt Tây phương và sự kiện này sẽ mang lại cho họ sức mạnh trên chính trường quốc tế so với vị thế của các nước Âu Châu và Hoa Kỳ. Một lãnh tụ của một quốc gia Đông Á nói rằng: “*Thời kỳ khúm núm sợ hãi đã chấm dứt và giờ đây chúng ta có thể đối thoại một cách ngang hàng với Hoa Kỳ về những vấn đề quốc tế*”. Nhiều lãnh tụ khác cũng cho rằng vào lúc này Hoa Kỳ đã mất khả năng ra lệnh cho các nước Á Châu phải tuân theo quan điểm của họ liên quan đến *nhân quyền* và nhiều giá trị khác.

Thứ hai. Các dân tộc Á Châu tin rằng sự thành công của họ về phát triển kinh tế là sản phẩm của văn hóa Đông phương, hơn hẳn nền văn hóa Tây phương đang suy thoái và mất dần giá trị. Nhiều chính khách Á Châu, không kiểm soát nổi cảm xúc nhất thời, đã nói rằng: “*muốn thi đua với Á Châu vào lúc này Hoa kỳ cần phải học của nền văn minh thượng đẳng này đôi điều...*”. Vào lúc này, theo nhận định của một số người Á Đông thì sự thành công của họ là sản phẩm của *chủ nghĩa tập thể* (collectivism) hơn là *chủ nghĩa cá nhân* (individualism). *Lý Quang Diệu* khẳng định là: “*Những giá trị mà nền văn minh Đông Á chủ trương, chẳng hạn như việc coi trọng lợi ích tập thể hơn lợi ích cá nhân, là động cơ thúc đẩy nền kinh tế của họ phát triển nhanh chóng*”. Đối với đa số người dân Trung Quốc thì quyền lợi của tập thể và của quốc gia, từ ngàn xưa, vẫn được coi là quan trọng hơn quyền lợi của cá nhân.

Thứ ba. Một vài lãnh tụ Á Châu khác hiện nay cũng cho rằng, mặc dầu có sự khác biệt, nhưng giữa các nền văn minh Đông Á người ta vẫn có thể tìm thấy một điều chung nhất: đó là lý thuyết *Khổng Mạnh*. Lý thuyết này được tất cả các nước Đông Á tôn vinh vì nó dựa trên những tiêu chuẩn văn hóa mà từ lâu họ đã trọng vọng như: *gia đình, chăm chỉ, cần kiệm và kỷ luật*. Ngoài ra họ còn đồng ý với nhau về một điểm khác. Đó là sự trân quý mẫu hình cai trị “*độc tài mềm dẻo*” (soft authoritarianism).

Các lãnh tụ Á Châu cho rằng nếu bây giờ họ còn cần đến các thị trường Tây phương để mở mang kinh tế thì trong một tương lai rất gần họ sẽ phát triển kinh tế trong nội bộ với nhau, chẳng hạn như trong nội bộ các nước ASEAN và EAEC. Họ hoan nghênh chương trình “*Á Châu Hóa Á Châu*” của *Lý Quang Diệu*.

Thứ tư. Lãnh tụ các nước Đông Á hiện nay cho rằng sự phát triển kinh tế và các *giá trị Á Châu* không những chỉ cần thiết cho các nước ngoài khối Tây phương để đuổi kịp Tây phương mà còn cần cho cả Tây phương để cải thiện và điều chỉnh chính mình. Mẫu hình phát triển kinh tế của Tây phương ngày nay đã trở thành lỗi thời và hết hiệu nghiệm. Từ *Mexico, Chili* cho đến *Iran và Turkey* mẫu hình đó đang được thay thế bằng mẫu hình của Trung Quốc. Cho nên Á Châu cần phải phổ biến rộng rãi những giá trị của mình để những giá trị đó trở thành phổ quát. Á Châu và đặc biệt là các nước Đông Á cần phải xúc tiến mạnh mẽ chương trình “*Á Châu Hoá Toàn Cầu*” (Asia Globalism) để mang lại cho nhân loại một “*trật tự thế giới mới*” (new world order).

Nhận định thay kết luận

Sự khẳng định của Á Châu đã được xác nhận trong câu nói sau đây của thủ tướng Mã Lai Á *Mahathir*. “*Các giá trị Á Châu đã mang tính phổ quát, còn giá trị Âu Châu thì chỉ có giá trị trong phạm vi lãnh thổ của các nước Âu Châu mà thôi*”. Vào lúc này, người Á Đông coi sự phát triển kinh tế của họ là bằng chứng của một nền văn hóa cao hơn nền văn hóa Tây phương. Họ tin rằng tính vượt trội của nền văn hóa cổ truyền Á Châu sẽ đưa đến những thắng lợi vật chất to lớn. Tuy nhiên, nhiều nhà quan sát thì lại cho rằng lòng tự tin và niềm lạc quan này hình như hơi quá trớn.

Thông thường trên vũ đài chính trị thế giới, trong khi các nước yếu chỉ có một cái nhìn cục bộ, thì các nước mạnh bao giờ cũng có một tầm nhìn phổ quát bao trùm tất cả những vấn đề của nhân loại. Giờ đây có thể nói là tầm nhìn phổ quát của một số các quốc gia Đông Á dường như cũng giống như tầm nhìn phổ quát mà khối Tây Phương đã từng có trong lịch sử./.

Nguyễn Cao Quyền
Tháng 1 năm 2014